

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2026/DS-ST
Ngày: 29 - 04 - 2026
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Bà Đỗ Thị Ngân

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Ảnh- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí M.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí M tham gia phiên tòa không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 04 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 595/2025/TLST-DS ngày 25/11/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2026/QĐXXST- DS ngày 24/03/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 67A/2026/QĐST- DS ngày 13/04/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Quang M, sinh năm 1957 (*có mặt*)

Căn cước công dân số: 077057xxxxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/08/2021.

Địa chỉ: Khu phố V, xã N, Thành phố Hồ Chí M.

- Bị đơn: Bà Trần Nữ Bích T, sinh năm 1984 (*vắng mặt*)

Căn cước công dân số: 07718400xxxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/03/2023.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã B, Thành phố Hồ Chí M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/11/2023 ông Lê Quang M có cho bà Trần Nữ Bích T vay số tiền là 150.000.000 đồng. Hai bên đã lập Hợp đồng vay tiền đã được Văn phòng công chứng Nguyễn Duy T công chứng số 4017, ngày 30/11/2023. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày công chứng hợp đồng. Từ khi cho vay cho đến nay thì bà T mới trả cho ông M được 03 tháng tiền lãi (từ ngày 30/11/2023 cho đến ngày 30/02/2024) với tổng số tiền là 22.500.000 đồng (tương đương 7.500.000 đồng/tháng). Từ tháng 03/2024 cho đến nay thì bà T chưa thanh toán cho ông M tiền gốc cũng như tiền lãi. Đến nay đã quá thời gian trả nợ, bà T không thực hiện đúng như cam kết ban đầu, ông M đã nhiều lần nhắn tin, điện thoại nhưng bà T không bắt máy cũng như không trả lời tin nhắn của ông M. Sau khi đối chiếu với quy định của pháp luật, ông M xin thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Số tiền vượt quá lãi suất quy định thì ông M đồng ý trừ vào số tiền gốc mà bà T đã vay của ông M, cụ thể:

Lãi suất theo quy định pháp luật: $20\%/năm \times 150.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ tháng} = 7.500.000 \text{ đồng}$.

Lãi suất vượt quá quy định pháp luật là $22.500.000 \text{ đồng} - 7.500.000 \text{ đồng} = 15.000.000 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi vượt quá quy định được khấu trừ vào số tiền gốc: $150.000.000 \text{ đồng} - 15.000.000 \text{ đồng} = 135.000.000 \text{ đồng}$.

Do đó, ông M yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Nữ Bích T phải trả cho ông M số tiền đã vay là 135.000.000 đồng và lãi suất từ tháng ngày 30/03/2024 cho đến ngày xét xử (ngày 29/04/2026) là $10\%/năm \times 135.000.000 \text{ đồng} \times 750 \text{ ngày} = 27.739.725 \text{ đồng}$.

2. Đối với bị đơn bà Trần Nữ Bích T: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng bà Trần Nữ Bích T vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Quang M khởi kiện yêu cầu bà Trần Nữ Bích T phải trả số tiền vay theo Hợp đồng vay tiền đã được Văn phòng công chứng Nguyễn Duy T công chứng số 4017, ngày 30/11/2023; Nơi cư trú của bị đơn tại địa chỉ: Ấp Đông Linh, xã Bình Giã, Thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh đã có Công văn số 160/CV-VKS ngày 03/4/2026, có nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ

cho thấy vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ và cũng không thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 không tham gia phiên tòa xét xử vụ án trên.

[1.3] Về vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Nữ Bích T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn:

Ông Lê Quang M có cho bà Trần Nữ Bích T vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Để đảm bảo khoản vay, ông M và bà T đã lập Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Nguyễn Duy T công chứng số 4017, ngày 30/11/2023.

Xét thấy: Sự thỏa thuận của đương sự được lập thành văn bản trên cơ sở tự nguyện, hợp đồng đã được công chứng theo quy định, các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi dân sự. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 119, Điều 328 Bộ luật Dân sự thì Hợp đồng vay tiền này là hợp pháp và đã phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với các bên.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Trần Nữ Bích T lên Tòa làm việc cũng như tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải để phản hồi liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang M. Tuy nhiên, bà T không lên Tòa làm việc và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Nữ Bích T phải trả cho ông Lê Quang M số tiền đã vay là 150.000.000 đồng, theo Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Nguyễn Duy T công chứng số 4017, ngày 30/11/2023.

Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông M trình bày: Bà T có trả cho ông M 03 tháng tiền lãi (tháng 12/2023 đến tháng 02/2024) với số tiền 22.500.000 đồng (tương đương 7.500.000 đồng/tháng). Sau khi đối chiếu với quy định pháp luật, ông M đồng ý trừ số tiền lãi vượt quá vào số tiền gốc. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông M. Cụ thể:

Lãi suất theo quy định pháp luật: $20\%/năm \times 150.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ tháng} = 7.500.000 \text{ đồng}$.

Lãi suất vượt quá quy định pháp luật là $22.500.000 \text{ đồng} - 7.500.000 \text{ đồng} = 15.000.000 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi vượt quá quy định được khấu trừ vào số tiền gốc: $150.000.000 \text{ đồng} - 15.000.000 \text{ đồng} = 135.000.000 \text{ đồng}$.

Do đó, ông M yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Nữ Bích T phải trả cho ông M số tiền đã vay là 135.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn:

Theo Hợp đồng vay tiền thì hai bên thỏa thuận vay trong thời hạn 03 tháng, kể từ thời điểm công chứng là ngày 30/11/2023, lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhà nước. Tuy nhiên, trên thực tế lãi suất các bên thỏa thuận là 7.500.000 đồng/tháng. Quá thời gian thỏa thuận nhưng bà T vẫn không thanh toán nợ gốc và lãi nào cho ông M. Do đó, ông M yêu cầu tính lãi suất từ tháng 03/2024 cho đến ngày xét xử (ngày 29/04/2026) là: $10\%/năm \times 135.000.000 \text{ đồng} \times 750 \text{ ngày} = 27.739.725 \text{ đồng}$ (hai mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi chín ngàn, bảy trăm hai mươi lăm đồng) là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Nữ Bích T phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 8.136.986 đồng (tám triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn, chín trăm tám mươi sáu đồng).

Ông Lê Quang M được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật theo Thông báo số 118/TB-TA ngày 24/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 119, 463, 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang M đối với bị đơn bà Trần Nữ Bích T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Nữ Bích T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Quang M tổng số tiền là 162.739.725 đồng (*một trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm hai mươi lăm đồng*) theo Hợp đồng vay tiền đã được Văn phòng công chứng Nguyễn Duy Thành công chứng số 4017, ngày 30/11/2023. Trong đó: Nợ gốc là 135.000.000 đồng, nợ lãi là 27.739.725 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Nữ Bích T phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 8.136.986 đồng (tám triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn, chín trăm tám mươi sáu đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí M xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí M;
- VKSND TP. Hồ Chí M;
- VKSND KV14- TP. Hồ Chí M;
- Thi hành án Dân sự TP. Hồ Chí M;
- Phòng THADS KV14- TP. Hồ Chí M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Thị Hồng Hạnh